

# GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VỀ NHẬP KHẨU SONG SONG TRONG HẾT QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Nhằm hoàn thiện pháp luật về cơ chế hết quyền đối với nhãn hiệu và nhập khẩu song song sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu, nên tập trung vào bốn vấn đề sau: (i) ban hành một thông tư về nhập khẩu song song; (ii) sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật về quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu; (iii) sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý giá hàng hóa nhập khẩu; (iv) sửa đổi, bổ sung Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT.

## 1. Ban hành thông tư về nhập khẩu song song

Luật sở hữu trí tuệ không bao gồm quy định cụ thể về nhập khẩu song song. Nhập khẩu song song được công nhận là hoạt động thương mại hợp pháp như hệ quả của áp dụng cơ chế hết quyền quốc tế. Điều này được quy định trong Thông tư số 825/2000/TT-BKHCNMT<sup>1</sup> và Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT.

Tuy nhiên, hai văn bản này chưa xác định đầy đủ, rõ ràng, chính xác thế nào là nhập khẩu song song. Trong thực tế, nhập khẩu song song diễn ra phổ biến và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết loại việc này đặc biệt là hải quan, quản lý thị trường nên gặp phải những khó khăn trong phân biệt hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa nhập khẩu song song, thiếu căn cứ pháp lý và kinh nghiệm trong giải quyết loại việc này. Bên cạnh đó, hàng giả, hàng kém chất lượng đã được nhập khẩu vào Việt Nam qua kênh nhập khẩu song song. Trong một số trường hợp, lợi ích của nhà nhập khẩu song song chưa được bảo đảm do những khó khăn trong chứng minh hàng hóa được đưa ra thị trường bởi chính chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu. Hơn nữa, một số hạn chế còn tồn tại trong cơ chế quản lý giá có thể dẫn đến hệ quả nhập khẩu song song chỉ đem lại lợi ích cho nhà nhập khẩu mà không đem lại lợi ích cho người tiêu dùng. Chính vì vậy, ban hành một thông tư về nhập khẩu song song là cần thiết.

<sup>1</sup> Thông tư này hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Nghị định này đã bị hủy bỏ bởi Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22-9-2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay, Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21-9-2010, đã thay thế Nghị định số 106/2006/NĐ-CP (BT).

Có thể nhận thấy, hình thức thích hợp cho các quy định về nhập khẩu song song là đưa ra định nghĩa nhập khẩu song song; cách thức xác định hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa nhập khẩu song song; nghĩa vụ chứng minh trong vụ việc phải phân biệt hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa nhập khẩu song song; ban hành kèm theo danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu song song:

*Thứ nhất*, định nghĩa nhập khẩu song song phải khắc phục được những hạn chế của Thông tư số T 825/2000/TT-BKHCNMT. Đồng thời, định nghĩa cần phản ánh được bản chất và những đặc điểm cơ bản của nhập khẩu song song, đó là nhập khẩu không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và được tiến hành song song với kênh phân phối được ủy quyền. Nhập khẩu song song có thể được định nghĩa như sau:

*"Nhập khẩu song song là nhập khẩu hàng hóa chứa yếu tố được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và đã được chính chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân khác đưa ra thị trường với sự đồng ý của chủ thể này; việc nhập khẩu hàng hóa không do chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân khác được sự đồng ý của chủ thể này tiến hành và diễn ra song song với kênh phân phối chính thức hàng hóa".*

*Thứ hai*, các quy định về nhập khẩu song song nên quy định nghĩa vụ chứng minh trong các trường hợp liên quan đến nhập khẩu song song trên cơ sở nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng dân sự. Để xác định chính xác hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu hay hàng hóa nhập khẩu song song, Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm của Liên minh châu Âu. Theo án lệ của Liên minh châu Âu, nghĩa vụ chứng minh trước hết thuộc về nhà nhập khẩu và chủ sở hữu nhãn hiệu cũng có nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp nhất định. Thông tư nên quy định nhà nhập khẩu phải chứng minh hàng hóa đã được đưa ra thị trường bởi chính chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu, nếu không hàng hóa bị coi là giả mạo. Tuy nhiên, chủ sở hữu nhãn hiệu có nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp nhà nhập khẩu đã cung cấp một số chứng cứ nhưng không đầy đủ và chứng minh được họ gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ để chứng minh hàng hóa đã được đưa ra thị trường bởi chính chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu. Chủ sở hữu nhãn hiệu phải chứng minh họ không đưa hàng hóa ra thị trường hoặc hàng hóa được đưa ra thị trường mà không có sự đồng ý của họ. Trường

hợp chủ sở hữu nhãn hiệu thành công trong việc chứng minh, hàng hóa đang được xem xét là hàng giả mạo về nhãn hiệu; Trường hợp chủ sở hữu không thành công trong việc chứng minh, hàng hóa đang được xem xét là hàng hóa nhập khẩu song song. Đồng thời, cần quy định thời hạn thích hợp để nhà nhập khẩu và chủ sở hữu nhãn hiệu thực hiện được nghĩa vụ chứng minh của họ.

Có thể có ý kiến cho rằng, đề xuất về nghĩa vụ chứng minh của chủ sở hữu nhãn hiệu trong các vụ việc nhập khẩu song song mâu thuẫn với nội dung bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa ra thị trường. Các vụ việc liên quan đến nhập khẩu song song không giống như các vụ việc xâm phạm quyền và nhà nhập khẩu có thể hoặc không phải là người vi phạm. Hơn nữa, có thể giải quyết dễ dàng hơn các vụ việc liên quan đến nhập khẩu song song nếu chủ sở hữu nhãn hiệu cùng gánh vác nghĩa vụ chứng minh với nhà nhập khẩu song song. Trong thực tế, nhà nhập khẩu song song thường gặp khó khăn trong chứng minh hàng hóa đã được đưa ra thị trường bởi của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu. Lý do là nhà nhập khẩu song song thường chỉ quan tâm đến hàng hóa nhập khẩu chứ không quan tâm đến các vấn đề sở hữu trí tuệ gắn liền với hàng hóa. Trong nhiều trường hợp, xác định chủ thể nắm giữ quyền sở hữu trí tuệ và người được phép chuyển giao đối tượng sở hữu trí tuệ thực sự là khó khăn đối với nhà nhập khẩu song song, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và các hoạt động xuất nhập khẩu phát triển mạnh mẽ với sự di chuyển của dòng hàng hóa, dịch vụ qua nhiều biên giới quốc gia trước khi đến với người tiêu dùng. Nhà nhập khẩu song song có thể dễ dàng chứng minh hơn trong trường hợp hàng hóa được nhập khẩu song song là hàng hóa nổi tiếng. Cho nên, trong một số trường hợp, hàng hóa nhập khẩu song song nhưng lại bị coi là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu với lý do nhà nhập khẩu song song không chứng minh được hàng hóa đã được đưa ra thị trường bởi chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

*Cuối cùng*, cần ban hành kèm theo danh mục hàng hóa bị cấm nhập khẩu song song. Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu song song phải thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với danh mục hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể, hàng hóa cấm nhập khẩu song song là những hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa hạn chế nhập khẩu, về cơ bản, chỉ cho phép nhập khẩu các loại hàng hóa trong nước không sản xuất

được, hoặc sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu, không cho phép hoặc hạn chế tối đa nhập khẩu các loại hàng hóa trong nước có khả năng sản xuất<sup>2</sup>.

## 2. Quy định về quản lý chất lượng hàng nhập khẩu

Cơ sở pháp lý cho quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu đã được thiết lập với những quy định trong Luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 (từ Điều 34 đến Điều 37), Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31-12-2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 7 và Điều 8), Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18-6-2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN)<sup>3</sup>. Để áp dụng pháp luật dễ dàng và hiệu quả hơn, cần phải có quy định riêng về quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu song song. Những quy định này nên bổ sung trong Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN và điều chỉnh những vấn đề sau: (i) điều kiện đối với hàng hóa nhập khẩu song song; và (ii) xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa được nhập khẩu song song. Trong quá trình soạn thảo quy định về phát hiện và xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa được nhập khẩu song song, Việt Nam nên xem xét kinh nghiệm của Hoa Kỳ trong giải quyết vấn đề này. Quy định hải quan cho phép cơ quan Hải quan Hoa Kỳ quyền ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu có sự khác biệt so với hàng hóa đang lưu thông trên thị trường nội địa. Các cơ quan Hải quan Việt Nam có thể căn cứ vào các quy định về quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu song song và quy định về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa<sup>4</sup> để xác định tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa nhập khẩu song song. Những quy định bổ sung nên cho phép các cơ quan Hải quan ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu song song kém chất lượng vào thị trường Việt Nam.

Bên cạnh những biện pháp pháp lý nêu trên, nhằm ngăn chặn luồng hàng hóa kém chất lượng vào Việt Nam, Việt Nam cần xây dựng và áp dụng các hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu phù hợp với các quy định

<sup>2</sup> Bộ Công Thương: Hoạt động xuất nhập khẩu 2008 - Kế hoạch 2009, về vấn đề này, Việt Nam nên nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan và Trung Quốc. Hai quốc gia này đều chủ trương tự do hóa nhập khẩu nhưng thực hiện một cách thận trọng. Hai quốc gia áp dụng chính sách nhập khẩu “hai gọng kim”. Theo đó, một mặt thúc đẩy nhập khẩu để phục vụ xuất khẩu, mặt khác hạn chế nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, đặc biệt là các sản phẩm xa xỉ.

<sup>3</sup> Thông tư này được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 20-7-2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18-6-2009 và Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14-02-2007

<sup>4</sup> Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Để biết thêm chi tiết, xem trang web của Tổng cục: <<http://en.tcvn.vn>>

của WTO và các hiệp định quốc tế khác mà Việt Nam ký kết<sup>5</sup>. Hàng rào kỹ thuật trong thương mại là công cụ hữu hiệu và được các quốc gia sử dụng để hạn chế nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng. Tuy nhiên trong thực tế, để áp dụng được hàng rào kỹ thuật đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật phát triển. Do đó, cần trang bị thiết bị hiện đại cho các cơ quan có vai trò quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu như Hải quan và Quản lý thị trường. Tức là, những đổi mới pháp lý cần được tiến hành song song với đổi mới công nghệ.

### **3. Quy định về quản lý giá hàng hóa nhập khẩu**

Một trong những lợi ích của nhập khẩu song song đối với người tiêu dùng là giảm giá trung bình của hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, lợi ích này có thể không đạt được do những hạn chế của quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quản lý giá hàng hóa nhập khẩu bao gồm giá hàng hóa nhập khẩu song song. Do đó, cần rà soát và sửa đổi, bổ sung những quy định này để có lợi cho không chỉ nhà nhập khẩu song song mà còn cho người tiêu dùng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nên sửa đổi và bổ sung khoản 2 Điều 21 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP về hình thành giá thuốc độc quyền theo hướng tính đến chi phí trong sản xuất, lưu thông cũng như giá mà bên sản xuất, kinh doanh áp dụng, điều kiện kinh doanh và các trạng thái của thị trường.

Thứ hai, cần bổ sung quy định về giá nhập khẩu và giá bán lẻ dược phẩm trong Điều 5 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP về quản lý giá thuốc phòng và chữa bệnh cho người. Đồng thời, cần xem xét lại Thông tư số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT về hướng dẫn quản lý giá thuốc phòng và chữa bệnh cho người theo hướng giảm giá thuốc sản xuất trong nước.

Thứ ba, cần sửa đổi từ Điều 49 đến Điều 55 Luật cạnh tranh năm 2004 liên quan đến phân định thẩm quyền của các cơ quan tài chính và cơ quan quản lý cạnh tranh - các cơ quan này có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật quản lý giá. Cụ thể trong Luật cạnh tranh năm 2004, cơ quan quản lý cạnh tranh chỉ xử lý những vụ việc vi phạm pháp luật quản lý giá liên quan đến thực tế chống cạnh tranh bị cấm. Chẳng hạn các trường hợp: (i) thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp khi các bên tham gia thỏa thuận có thị

<sup>5</sup> Bộ Công Thương: Hoạt động xuất nhập khẩu 2008 - Kế hoạch 2009, mục III(2)(a); Đinh Văn An và Hoàng Thu Hoà: Vượt qua thách thức, mở cửa thị trường cơ hội phát triển bền vững, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2009, tr. 81.

phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên (khoản 1 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Luật cạnh tranh); (ii) bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ nhằm loại bỏ đối thủ cạnh tranh (khoản 1 Điều 13 Luật cạnh tranh); và (iii) áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây thiệt hại cho khách hàng (khoản 2 Điều 13 Luật cạnh tranh). Hơn nữa, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nghĩa vụ hợp tác trong xử lý vi phạm về quản lý giá. Cuối cùng, cần nâng cao mức phạt tiền đối với những hành vi vi phạm pháp luật về giá tại Điều 37 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 75/2008/NĐ-CP).

#### **4. Sửa đổi và bổ sung Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT**

Xuất phát từ tầm quan trọng và đặc trưng của hoạt động nhập khẩu song song thuốc, ban hành một văn bản pháp luật riêng về nhập khẩu song song thuốc phòng và chữa bệnh cho người như Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT là cần thiết. Tuy nhiên, những hạn chế của Quyết định cần phải được khắc phục:

Trước hết, quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT nên được sửa đổi, bổ sung theo hướng thỏa mãn hai điều kiện: kiểm soát hoạt động nhập khẩu song song, kết hợp chặt chẽ yếu tố quản lý nhà nước và sở hữu trí tuệ. Những điều kiện này nhằm mục đích bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích của ngành công nghiệp dược phẩm trong nước.

Thứ hai, định nghĩa nhập khẩu song song tại Điều 3 Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT cần phản ánh đúng bản chất của hoạt động này. Nhập khẩu song song thuốc có thể được định nghĩa như sau:

“Nhập khẩu song song thuốc là nhập khẩu thuốc chứa yếu tố được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và đã được đưa ra thị trường bởi hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ; việc nhập khẩu thuốc vào Việt Nam được thực hiện bởi hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ và được tiến hành song song với các kênh phân phối thuốc chính thức”

Thứ ba, Điều 3 quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT cần bổ sung

thêm các trường hợp nhập khẩu song song thuốc liên quan đến nhiều nước sản xuất và phân phối khác nhau. Ví dụ: Công ty A là chủ sở hữu sáng chế và nhãn hiệu thuốc M. Ở châu Á, thuốc M được sản xuất ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ. Thuốc M được nhà sản xuất Nhật Bản bán ở Việt Nam với giá G1. Nhà nhập khẩu Việt Nam có thể nhập khẩu thuốc M trực tiếp từ nhà sản xuất Hàn Quốc về bán ở Việt Nam với giá G2 nếu giá G2 thấp hơn giá G1. Nhà nhập khẩu Việt Nam cũng có thể nhập khẩu thuốc M được sản xuất ở Hàn Quốc từ nhà phân phối Ấn Độ về bán ở Việt Nam với giá G3 nếu giá G3 thấp hơn giá G1 và G2.

Thứ tư, để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng và danh tiếng, uy tín của chủ sở hữu nhãn hiệu, quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người ban hành kèm theo Quyết định số 1906/2004/QĐ-BYT nên quy định rõ: cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu và sáng chế được quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn hợp pháp hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn thuốc nhập khẩu song song vào Việt Nam khi phát hiện thuốc nhập khẩu song song gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và ảnh hưởng xấu hoặc có khả năng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người tiêu dùng.

Với điều kiện hiện tại của Việt Nam, về nguyên tắc, nước ta không nên cho phép đóng gói lại thuốc. Trong trường hợp cho phép đóng gói lại thuốc, chúng ta nên tham khảo pháp luật của Liên minh châu Âu với những quy định rất chặt chẽ về các điều kiện đóng gói lại thuốc. Cụ thể, đóng gói lại thuốc được công nhận khi thỏa mãn đầy đủ sáu điều kiện:

Thứ nhất, cần thiết phải đóng gói lại thuốc nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm sức khỏe hoặc những quy định pháp luật khác.

Thứ hai, đóng gói lại thuốc không gây tổn hại cho điều kiện ban đầu của sản phẩm.

Thứ ba, hình thức của sản phẩm đóng gói lại không làm tổn hại đến danh tiếng của chủ sở hữu nhãn hiệu.

Thứ tư, sản phẩm đóng gói lại phải nêu rõ tên chủ thể đóng gói lại, tên của nhà sản xuất và nguồn gốc của những sản phẩm kèm theo.

Thứ năm, nhà nhập khẩu song song phải thông báo cho chủ sở hữu nhãn hiệu về việc đóng gói lại sản phẩm.

Thứ sáu, nhà nhập khẩu song song phải gửi mẫu của sản phẩm được k đóng gói lại cho chủ sở hữu nhãn hiệu trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Nhập khẩu song song giúp Việt Nam giải quyết các vấn đề sức khỏe và giá thuốc cao nhưng đây không phải là giải pháp duy nhất. Cùng với hoàn thiện pháp luật về nhập khẩu song song thuốc, Việt Nam cần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các giải pháp khác như bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và sản xuất thuốc generic. Như vậy, Việt Nam có thể đạt được cả những mục tiêu ngắn hạn là giảm giá thuốc, đấu tranh chống lại dịch bệnh, tăng khả năng tiếp cận với các loại thuốc thiết yếu và mục tiêu dài hạn là xây dựng ngành công nghiệp dược phẩm lớn mạnh<sup>6</sup>.



**TTBD ĐBDC**



---

<sup>6</sup>Đây là kinh nghiệm giá trị của Ấn Độ, Thái Lan và Nam Phi. Các nước đang phát triển này đã thành công trong kết hợp các giải pháp khác nhau nhằm giải quyết các vấn đề y tế và thúc đẩy năng lực của ngành công nghiệp dược phẩm nội địa. Xem: J. Watal, Access to Essential Medicines in Developing Countries: Does the WTO TRIPS Agreement Hinder It? Science, Technology and Innovation Discussion Paper No.8, Center for International Development, (Harvard University, Cambridge, MA, 2000); Morais, Rafael Pinho Senra de, Compulsory Licencing of